

Số: /2026/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định danh mục và mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP; Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 66/2026/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 2991/TTr-SGDĐT ngày 23 tháng 6 năm 2026, ý kiến thống nhất của các thành viên UBND thành phố (theo Công văn số 6761/VP-KGVX ngày 25 tháng 6 năm 2026 của Văn phòng UBND thành phố) và thống nhất của Ban Thường vụ Đảng ủy UBND thành phố (theo Công văn số 2781-CV/ĐU ngày 29 tháng 5 năm 2026);

Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định quy định danh mục và mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định danh mục các khoản thu, mức thu, nguyên tắc quản lý, sử dụng các khoản thu đối với các khoản thu dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục trong cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Đà Nẵng theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 99 Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục và quy định tại điểm b khoản 3 Điều 4 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 4 Điều 13 Nghị định số 66/2026/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2026 quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục.

2. Đối tượng áp dụng

a) Trẻ mầm non học tại các cơ sở giáo dục mầm non công lập; học sinh phổ thông học tại các cơ sở giáo dục phổ thông công lập (bao gồm cả học sinh các trường phổ thông chuyên, phổ thông dân tộc nội trú, bán trú và học viên tại các Trung tâm giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông) (sau đây gọi là học sinh).

b) Các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập (bao gồm các trường phổ thông chuyên, phổ thông dân tộc nội trú, bán trú và trung tâm giáo dục thường xuyên công lập) (sau đây gọi là cơ sở giáo dục).

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Danh mục các khoản thu và mức thu

Stt	Danh mục các khoản thu	Đơn vị tính	Mức thu tối đa			
			Mầm non	Tiểu học	THCS	THPT
1.	Dịch vụ ăn uống, bán trú cho cá nhân trẻ mầm non/học sinh					
a)	Bữa ăn sáng					
-	Tiền mua thực phẩm	Đồng/trẻ(học sinh)/ngày	18.000	18.000		
-	Tiền phụ phí (gas, điện, nước uống, nước rửa, xà phòng...)	Đồng/trẻ(học sinh)/ngày	2.000	2.000		
b)	Bữa ăn chính và xế					
-	Tiền mua thực phẩm	Đồng/trẻ(học sinh)/ngày	32.000	32.000		

Stt	Danh mục các khoản thu	Đơn vị tính	Mức thu tối đa			
			Mầm non	Tiểu học	THCS	THPT
-	Tiền phụ phí (gas, điện, nước uống, nước rửa, xà phòng...)	Đồng/trẻ(học sinh)/ngày	4.000	4.000		
2.	Dịch vụ chăm sóc bán trú cho cá nhân trẻ mầm non/học sinh					
-	Ăn sáng, ăn trưa và ăn xế	Đồng/trẻ(học sinh)/tháng	450.000	330.000		
-	Ăn trưa và ăn xế	Đồng/trẻ(học sinh)/tháng	380.000	270.000		
3.	Dịch vụ tổ chức bán trú cho cá nhân trẻ mầm non trong hè (bao gồm: thuê người nấu, công tác quản lý bán trú)	Đồng/trẻ /tháng	1.000.000			
4.	Dịch vụ tổ chức bán trú cho cá nhân trẻ mầm non ngày thứ 7 (bao gồm: thuê người nấu, quản lý bán trú) (3 ngày/tháng)	Đồng/trẻ /tháng	240.000			
5.	Dịch vụ trông giữ và chăm sóc trẻ/học sinh ngoài giờ	Đồng/học sinh/giờ	11.000	24.000		
6.	Dịch vụ hoạt động kỹ năng sống	Đồng/trẻ/ giờ	20.000			
7.	Dịch vụ tham gia các hoạt động ngoại khóa, giao lưu văn hóa và các hoạt động khác phù hợp với tâm lý trẻ và học sinh	Đồng/trẻ(học sinh)/hoạt động	300.000	300.000	300.000	300.000
8.	Dịch vụ sử dụng máy lạnh (tiền điện, chi phí bảo trì máy lạnh)	Đồng/trẻ (học sinh)/ tháng	40.000	40.000	25.000	25.000
9.	Dịch vụ đưa đón học sinh bằng xe ô tô					
-	Tuyến đường dưới 5km	Đồng/km/học sinh		10.000		
-	Tuyến đường 5km – 10km	Đồng/km/học sinh		8.000		
10.	Dịch vụ khám sức khỏe tổng quát học sinh	Đồng/trẻ (học sinh)/ lần/năm học	40.000	40.000	40.000	40.000

Stt	Danh mục các khoản thu	Đơn vị tính	Mức thu tối đa			
			Mầm non	Tiểu học	THCS	THPT
11.	Dịch vụ cung cấp nội dung, học liệu, tài liệu phục vụ hoạt động STEM/STEAM, trí tuệ nhân tạo (AI) và rô-bốt (Robotics) (8 tiết/tháng)	Đồng/tiết/học sinh		22.000	22.000	22.000
12.	Dịch vụ ứng dụng công nghệ thông tin và chuyên đổi số: Học liệu điện tử, Sổ liên lạc điện tử, học bạ số, phần mềm học trực tuyến và kiểm tra, đánh giá	Đồng/trẻ (học sinh)/năm học	100.000	100.000	100.000	100.000

Điều 3. Cơ chế quản lý thu, chi

1. Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục phải được sự thỏa thuận bằng văn bản giữa cha mẹ học sinh hoặc người giám hộ hợp pháp của học sinh hoặc học sinh trong trường hợp đã đủ năng lực hành vi dân sự và cơ sở giáo dục trên tinh thần tự nguyện, không được gán với kết quả học tập và không nằm trong chương trình học chính khóa; các cơ sở giáo dục phải xây dựng kế hoạch thu, chi cụ thể, đúng mục đích, thu đủ chi, hoạt động theo định hướng phục vụ, không đặt mục tiêu lợi nhuận. Việc thu, chi bảo đảm công khai theo đúng quy định hiện hành.

2. Các cơ sở giáo dục tổ chức thu các khoản thu theo quy định, mức thu của từng khoản phải phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và khả năng đóng góp của cha mẹ học sinh. Không nhất thiết phải thu đầy đủ các khoản thu theo quy định tại Quyết định này. Các cơ sở giáo dục phải công khai quyết định ban hành danh mục dịch vụ, mức thu và cơ sở xây dựng dự toán mức thu trước khi tổ chức thu.

3. Các mức thu quy định tại Quyết định này là mức thu tối đa. Theo phân cấp quản lý, giao Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân phường, xã căn cứ vào điều kiện kinh tế của địa phương mình, hướng dẫn xây dựng mức thu phù hợp, áp dụng tại địa phương mình nhưng không vượt quá mức thu quy định tại Quyết định này. Trong các năm học tiếp theo, mức thu có thể được điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế, mức điều chỉnh không vượt quá 20% so với mức thu của năm học trước liền kề do Ủy ban nhân dân phường, xã hoặc Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định theo phân cấp quản lý.

4. Các khoản thu, chi phải quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ, tổ chức công tác kế toán theo đúng quy định của pháp luật về kế toán. Trường hợp cuối năm học còn dư kinh phí thì phải hoàn trả cho cha mẹ học sinh theo quy định.

5. Khi thực hiện các khoản thu đối với những nội dung đã được ngân sách nhà nước cấp hỗ trợ hoặc đã được bố trí từ nguồn kinh phí khác, mức thu phải được giảm

trừ sau khi tính toán số kinh phí đã được bố trí trong dự toán của đơn vị.

6. Trường hợp các khoản thu hoạt động dịch vụ có chênh lệch thu nhỏ hơn chi, đơn vị sự nghiệp công phải tính toán bù đắp khoản thiếu hụt bằng các nguồn kinh phí hợp pháp của đơn vị theo quy định hoặc giảm các khoản chi phí tương ứng, ngân sách nhà nước không cấp bù kinh phí.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2026.

2. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương có liên quan hướng dẫn triển khai thực hiện Quyết định này; tổ chức, chỉ đạo kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định tại Quyết định này.

3. Ủy ban nhân dân các phường, xã, đặc khu chịu trách nhiệm tổ chức kiểm tra việc thực hiện các quy định về thu, chi, công khai theo Quyết định này và quy định pháp luật có liên quan theo phân cấp quản lý.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã, đặc khu; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Vụ Pháp chế - Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố;
- BTV ĐU UBND thành phố;
- CT, các PCT UBND thành phố;
- UBMTTQVN và các TC CT-XH thành phố;
- Phòng XD&KTVB QPPL - Sở Tư pháp;
- Báo và PTTH Đà Nẵng;
- Công TTĐT thành phố, Công báo thành phố;
- CPVP, P.KGVX, NC;
- Lưu: VT, SGDĐT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Anh Tuấn